

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 14/2019/DS-ST

Ngày: 24-5-2019

V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐST-DS ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L; Trú tại: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T, (văn bản ủy quyền ngày 04/01/2019); Trú tại: Số 30 đường T, tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

- Bị đơn: Chị H Ayũn (tên thường gọi: Amí H); Trú tại: Số 40 đường N, Buôn T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

-Người làm chứng:

1. Bà N Niê; Trú tại: Buôn T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

2. Chị R Mlô; Trú tại: Buôn T, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

-Người phiên dịch: Ông Y L Mlô; Chuyên viên Phòng Tư pháp thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn bà Phạm Thị L và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày: Do quan hệ quen biết nên vào ngày 23/11/2015 chị H có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng; mục đích chị H vay để cho người khác vay lại, khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo quy định của ngân hàng, thời hạn trả nợ trong hạn 10 ngày kể từ ngày vay. Việc vay tiền chỉ liên quan giữa bà L và chị H, cá nhân chị H đứng ra vay số tiền này, không liên quan đến người nào khác. Chị H Ayũn cam kết có trách nhiệm trả cả gốc và lãi khi đến hạn. Tuy nhiên, bà L nhiều lần yêu cầu nhưng chị H vẫn không thực hiện việc trả nợ. Nay bà L khởi kiện yêu cầu chị H Ayũn phải trả tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018). Đồng thời nếu bà H có thiện chí trả cho bà L số tiền trên trong thời hạn 1 tháng thì bà L chỉ lấy số tiền gốc và không yêu cầu tiền lãi, còn trong trường hợp không trả được trong 01 tháng thì bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà Bị đơn chị H Ayũn (Tên thường gọi Mí H) trình bày: Giữa tôi và bà Phạm Thị L có quan hệ quen biết với nhau. Vào ngày 23/11/2015 tôi có vay của bà L số tiền 300.000.000 đồng, để cho người khác vay lại đáo hạn ngân hàng mục đích hưởng chênh lệch về tiền lãi. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày kể từ ngày vay, lãi suất 2.500 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Việc vay số tiền này chỉ liên quan giữa tôi và bà L, một mình tôi đứng ra vay không liên quan đến người khác. Sau khi vay tiền của bà L tôi cho bà N Niê vay lại sau đó bà N Niê cho chị R Mlô vay lại từ bà N Niê, từ khi vay đến nay do chưa thu hồi được nợ của người khác nên tôi chưa trả cho bà L được khoản nào kể cả gốc và lãi, nên tôi thừa nhận còn nợ của bà L số tiền gốc đã vay là 300.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo yêu cầu của bà L là 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018). Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh khó khăn và chưa lấy được tiền cho người khác vay nên tôi không thể trả nợ cho bà L được. Nên khi nào tôi lấy được tiền cho người khác vay thì tôi sẽ trả cho bà L. Về thời hạn trả nợ theo yêu cầu của bà L trong thời gian 01 tháng thì tôi không có tiền để trả cho bà L nên tôi không đồng ý. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

-Người làm chứng; tại phiên toà bà N Niê trình bày: bà N Niê thừa nhận có vay tiền của chị H Ayũn, đây là tiền chị H vay của bà L, sau khi vay bà N cho chị R Mlô vay lại, do chị R Mlô không trả được nợ nên tôi đã khởi kiện chị R Mlô tại Toà án thị xã Buôn Hồ, trong quá trình thi hành án chị R Mlô mới trả cho tôi được được

23.000.000đồng, nên tôi chưa có tiền trả cho chị H. Nay bà L khởi kiện chị H yêu cầu trả nợ, thì tôi yêu cầu chị R phải trả nợ cho tôi để tôi trả cho chị H, chị H trả cho bà L.

-Người làm chứng chị R Miêu trình bày: Chị R có vay của bà N Niê số tiền 400.000.000 đồng, không trực tiếp vay tiền từ bà L và từ chị H, do chưa trả tiền năm 2016 bà N Niê đã khởi kiện và đã yêu cầu thi hành án, chị R đã bán đất trả được một phần cho bà N Niê, vì vậy chị R không liên quan trong vụ kiện này mà là quan hệ giữa chị với bà N, ngoài ra chị R không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L là có căn cứ, nên buộc bị đơn chị H Ayũn phải trả cho phải trả cho bà L tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung tranh chấp:** Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc yêu cầu chị H Ayũn phải trả tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số nợ, ngày 23/11/2015 bà L có cho chị H Ayũn vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 10 ngày để chị H Ayũn cho người khác vay lại để đáo hạn ngân hàng là có thật; được thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 23/11/2015 và sự thừa

nhận của chị H Ayũn, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án chị H Ayũn cũng chấp nhận trả cho bà L số tiền cả gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng vì điều kiện khó khăn không thể trả cho bà L trong thời hạn một tháng được mà xin được trả dần khi thu hồi được nợ của người khác.

[2.2] Ngày 25/4/2019 chị H Ayũn có đơn xin hoãn phiên toà và yêu cầu triệu tập những người có liên quan là bà N và chị R tham gia tố tụng để bảo đảm quyền lợi cho bị đơn vì số tiền chị H vay của bà L đã cho Bà N Niê vay và bà N Niê cho chị R Mlô vay lại đến nay chưa thu hồi được nợ nên không có tiền trả cho bà L.

Xét lời khai nại của chị H thì thấy rằng chị H là người trực tiếp vay tiền của bà L, sau khi vay chị H cho bà N vay lại sau đó bà N đã cho chị R vay, do không trả được nợ nên năm 2016 bà N Niê đã khởi kiện và đã yêu cầu thi hành án, quan hệ này đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực của toà án. Đây là các quan hệ giao dịch dân sự riêng biệt giữa bà L với chị H, giữa chị H với bà N và giữa bà N với chị R không liên đới với nhau nên không có cơ sở để buộc những người này cùng liên đới trả nợ cho bà L theo quy định pháp luật.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự cũng như làm lành mạnh hoá các quan hệ dân sự trong đời sống xã hội, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc chị H Ayũn phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018) là phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Về án phí:

Bị đơn chị H Ayũn phải chịu 19.585.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà L 9.792.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp với quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L.

Buộc chị H Ayũn phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

2. Về án phí:

Bị đơn chị H Ayũn phải chịu 19.585.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị L 9.792.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0011298 Ngày 21/12/2018 Tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

HOÀNG MINH CHỨC

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tx Buôn Hồ;
- Chi cục THADS tx Buôn Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

HOÀNG MINH CHÚC

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 35 phút ngày 24/5/2019.

Tại trụ sở TAND thị xã Buôn Hồ.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Minh Chức.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” giữa:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Lễ; Trú tại: Tổ dân phố 3, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tiến Tài, (văn bản uỷ quyền ngày 04/01/2019); Trú tại: Số 30 Tô Vĩnh Diện, tổ dân phố 3, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Chị H Hiêm Ayũn (tên thường gọi: Amí Hã); Trú tại: Số 40 Nơ Trang Long, Buôn Tring 1, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

-Người làm chứng:

1.Bà Hnuat Niê; Trú tại: Buôn Tring 2, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

2.Chị HRina Mlô; Trú tại: Buôn Tring 2, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

-Người phiên dịch: Ông Y Lar Mlô; Chuyên viên Phòng Tư pháp thị xã Buôn

Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Sau khi thảo luận, phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử biểu quyết, quyết định các vấn đề sau:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

2. Về căn cứ pháp luật áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015

- Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH 12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

3. Các quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Lễ.

Buộc chị H Hiêm Ayũn phải có nghĩa vụ trả cho bà Lễ tổng số tiền 391.715.000 đồng (*Ba trăm chín mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn đồng*); trong đó: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi 91.715.000 đồng (lãi suất 0.83%/tháng, tính từ ngày 23/11/2015 đến ngày 18/12/2018).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 để tính lãi suất giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

4. Về án phí: Bị đơn chị H Hiêm Ayũn phải chịu 19.585.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Phạm Thị Lễ 9.792.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0011298 Ngày 21/12/2018 Tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk. *Kết quả biểu quyết: 3/3.*

Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân

sự.

Kết quả biểu quyết các vấn đề trên 3/3, không có ý kiến khác.

Nghị án kết thúc vào lúc 08 giờ 50 phút cùng ngày và đã được thông qua tại phòng nghị án.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

HOÀNG MINH CHỨC